TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 499/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. Thái Nguyên, ngày 04 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 639/2024/HNGĐ-TLST ngày 01 tháng 11 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1995

HKTT: Tổ 17, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: xã Cam T, huyện L, tỉnh Quảng Bình

Bị đơn: Vũ Đình C, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 17, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày ngày 26 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ngô Thị T và anh Vũ Đình C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Vũ Đình C thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con sau khi ly hôn:

- *Về nuôi con chung*: Chị T và anh C thỏa thuận: chị Ngô Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Vũ Đình Q, sinh ngày 17/10/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Chị T, anh C tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- *Về quyền thăm nom con*: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung: Chị T, anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4 Về công nợ chung: Chị T, anh C xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Chị T và anh C thỏa thuận, chị T tự nguyện chịu 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003401 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả cho chị Ngô Thị T 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. T;
- CCTHADS TP. T;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Sái Đức Trung